CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP May mặc Bình Dương

Ngày 30/09/2025	38,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.5%	**17.2%**	**2.5%**

DT thuần
Q3/25
473
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.0| 2.5%
YoY: ▼32.0| -6.3%

LN thuần
Q3/25
40.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.90| -12.8%
YoY: ▲ 4.10| 11.2%

LN sau thuế
Q3/25
30.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.4| -25.4%
YoY: ▼1.50| -4.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
8.2%
YoY: +/-▼ 2.6%

ROE (TTM)
Q3/25
24.6%
YoY: +/-▲ 1.0%

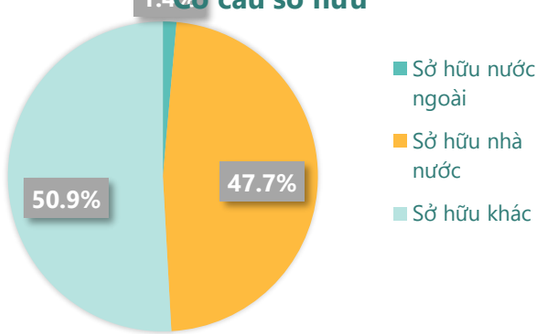
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	28,162 - 39,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	955
Số lượng CPLH (CP)	24,799,920
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,115
Sở hữu nước ngoài	1.4%
Beta	1.27
EPS	6,136
P/E	6.3

DT thuần
9T 2025
1,290
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.0| -1.6%

LN thuần
9T 2025
102
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.00| -7.0%

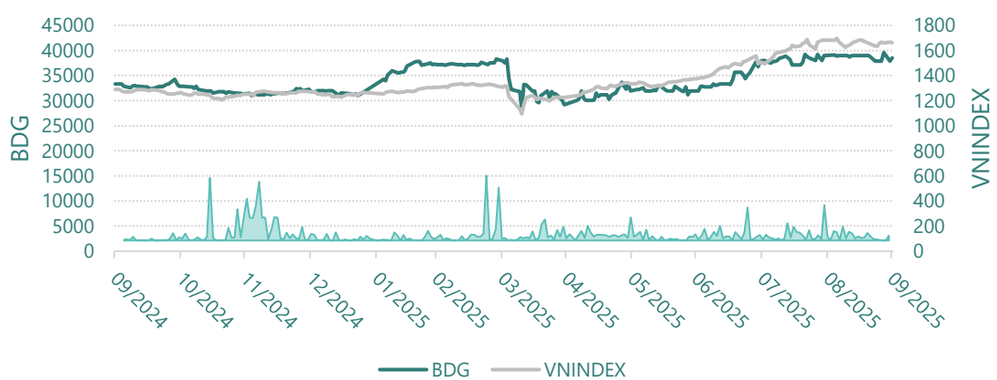
LN sau thuế
9T 2025
84.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.2| -11.8%

Cơ cấu sở hữu

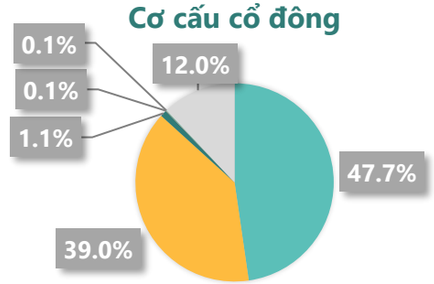


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



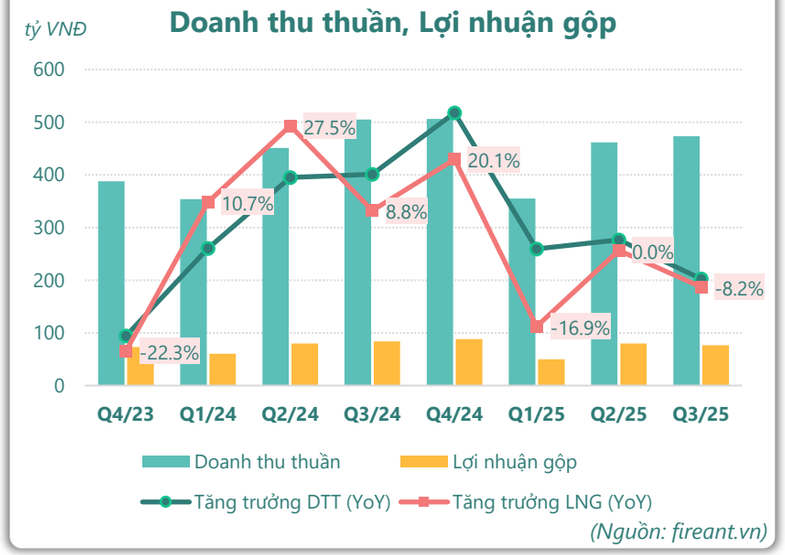
Cơ cấu cổ đông



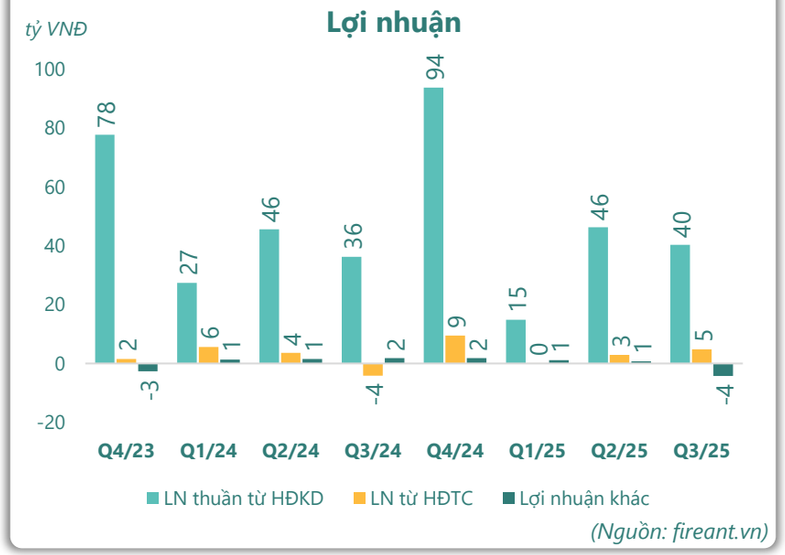
- Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
- Công ty TNHH Thương mại Việt Vương
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade
- Nguyễn Thị Trúc Thanh (Phó Tổng giám đốc)
- Nguyễn Xuân Quân (Thành viên HĐQT)

(Nguồn: fireant.vn)

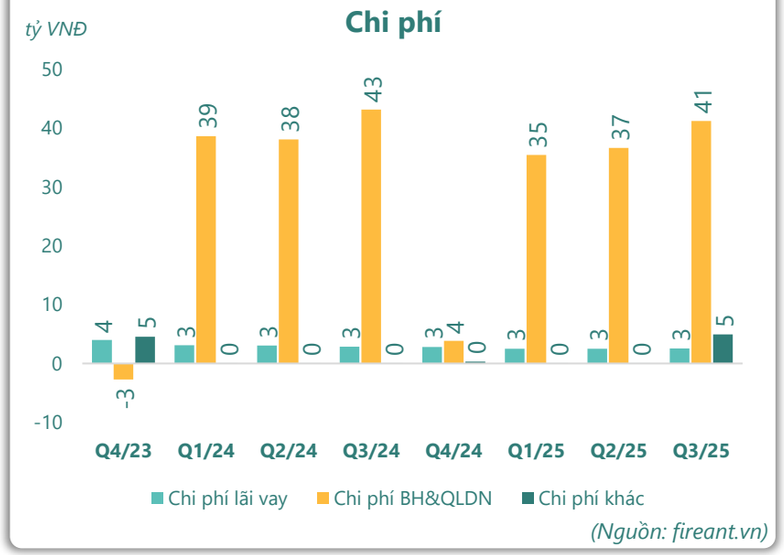
KẾT QUẢ KINH DOANH



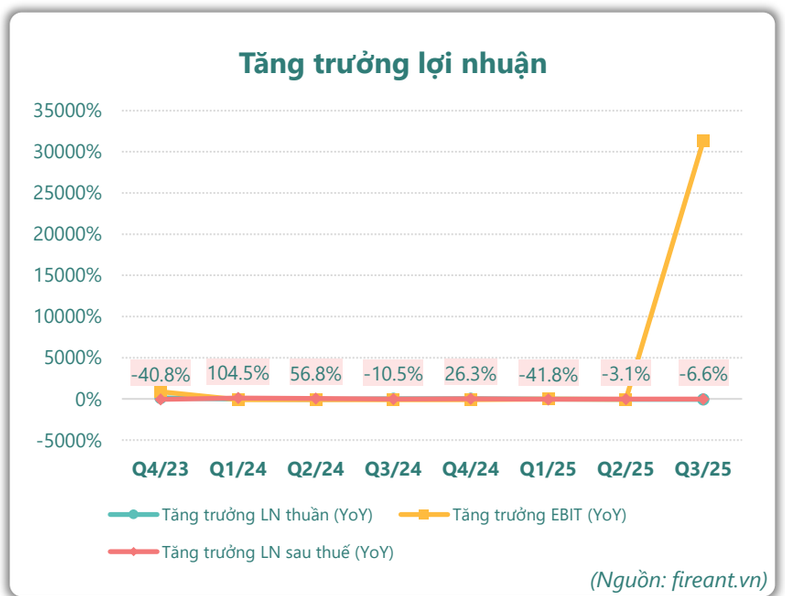
(Nguồn: fireant.vn)



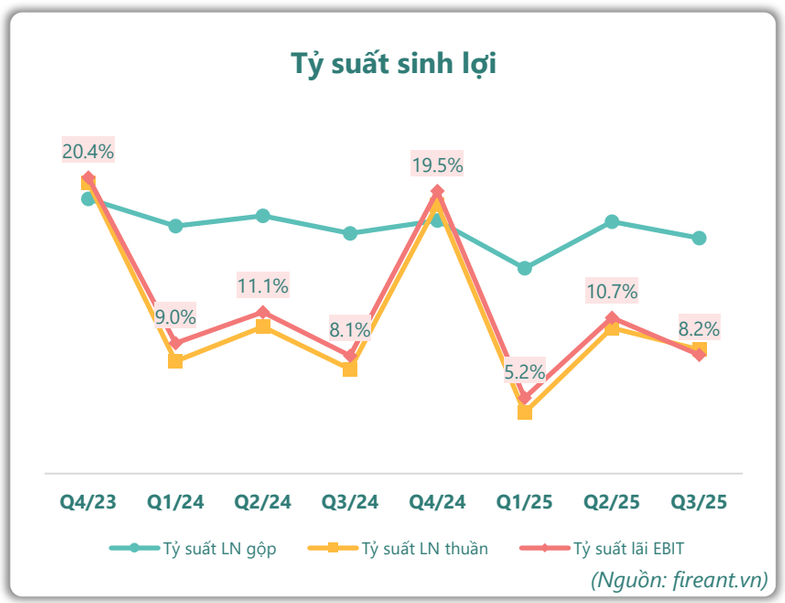
(Nguồn: fireant.vn)



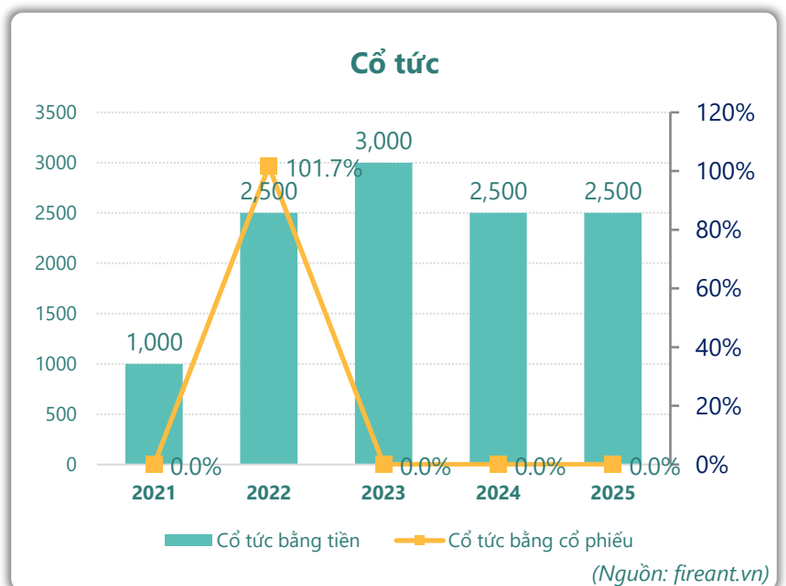
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



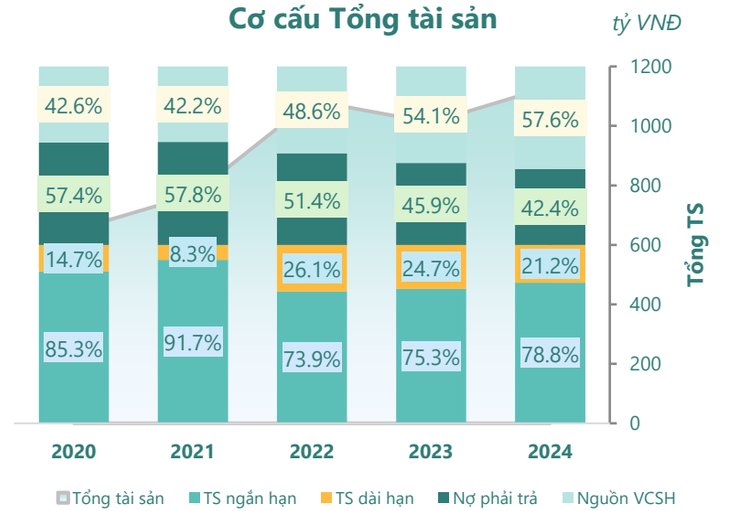
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

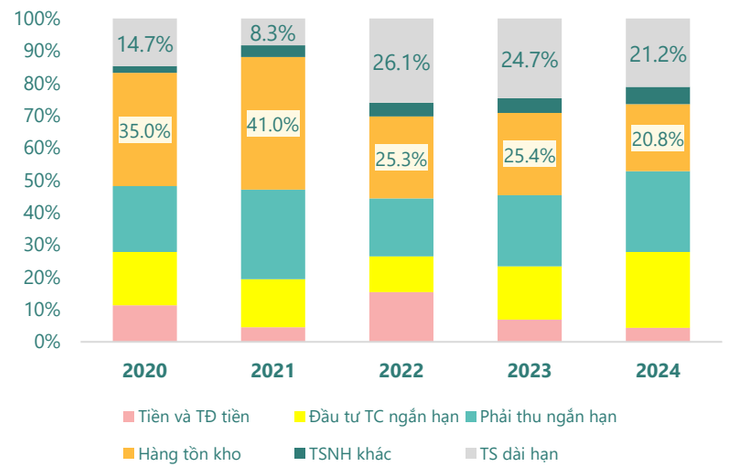
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



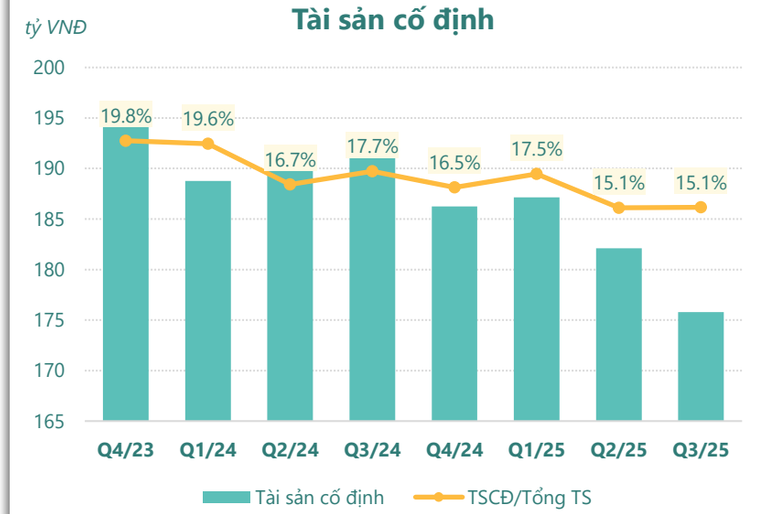
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



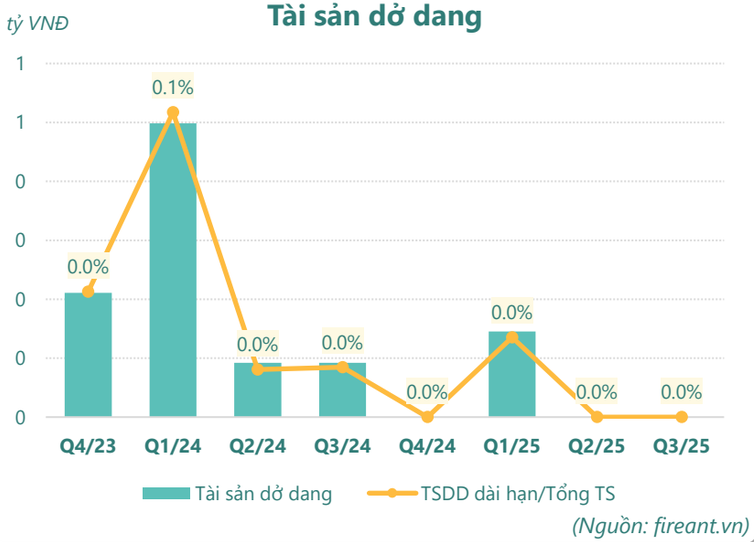
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



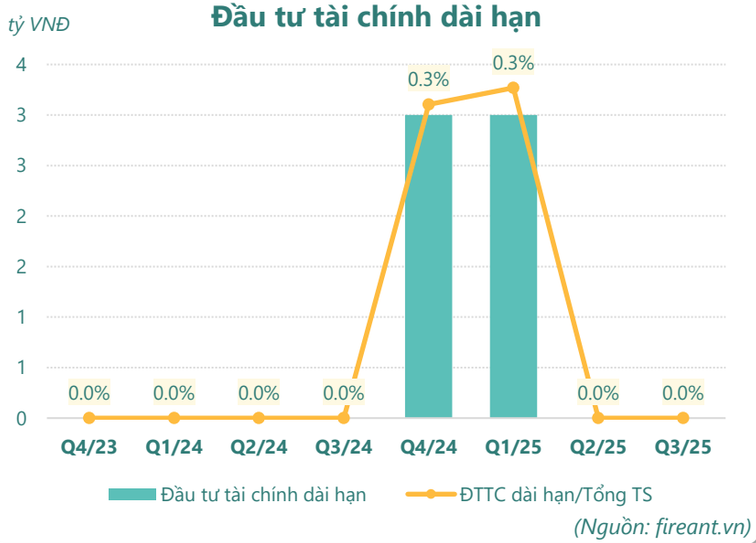
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



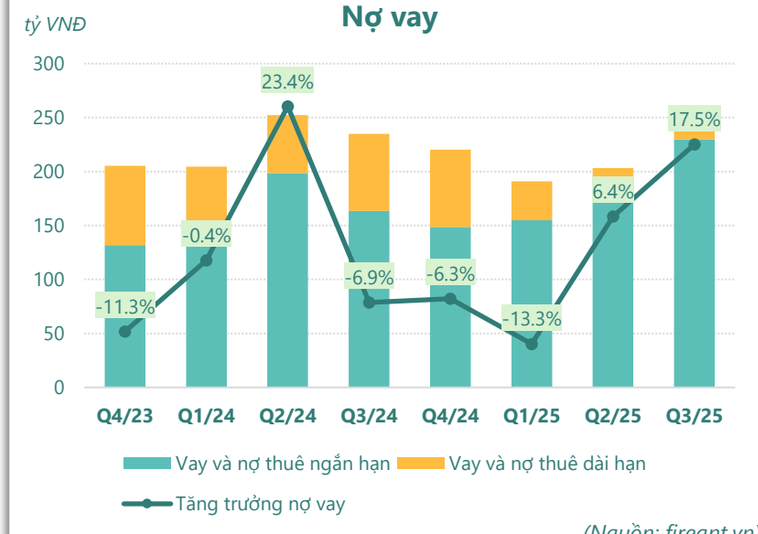
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

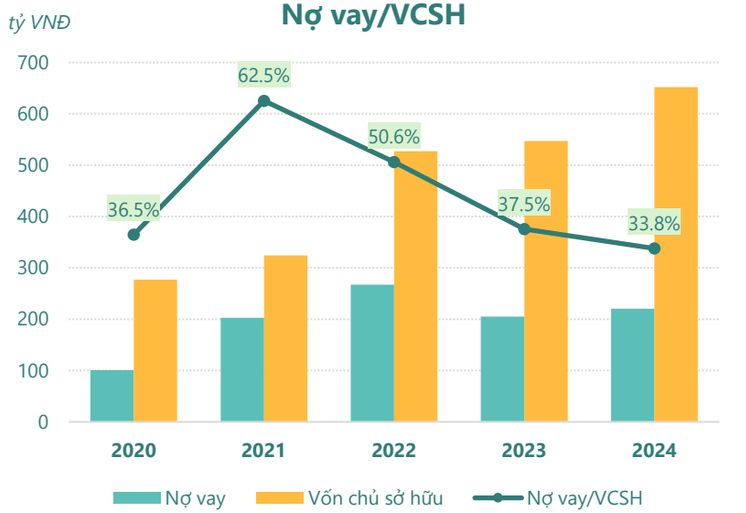
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

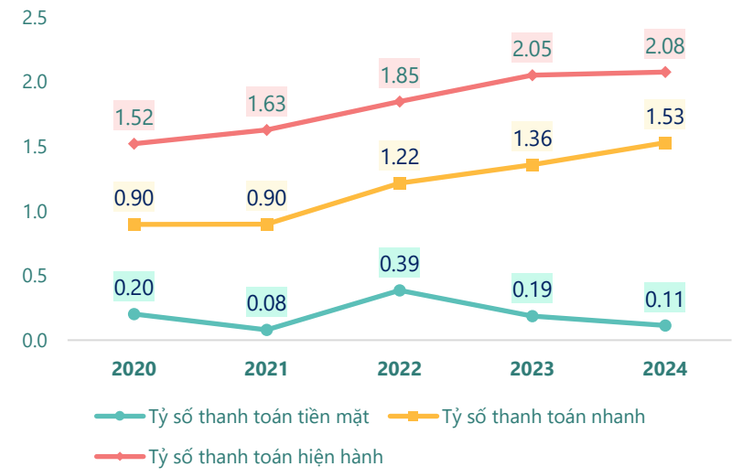
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



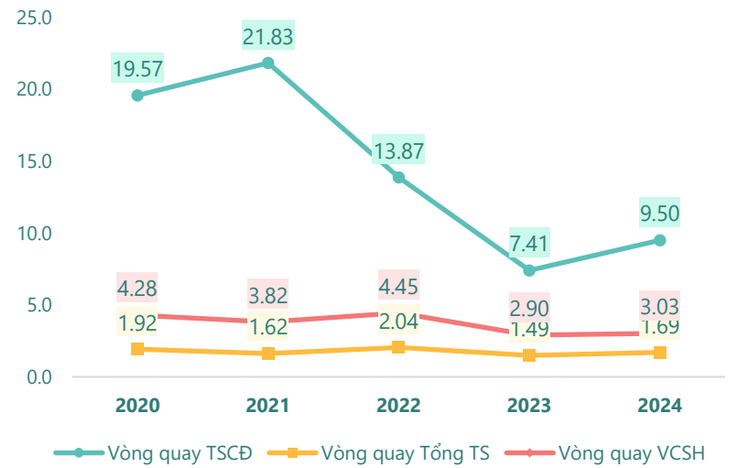
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



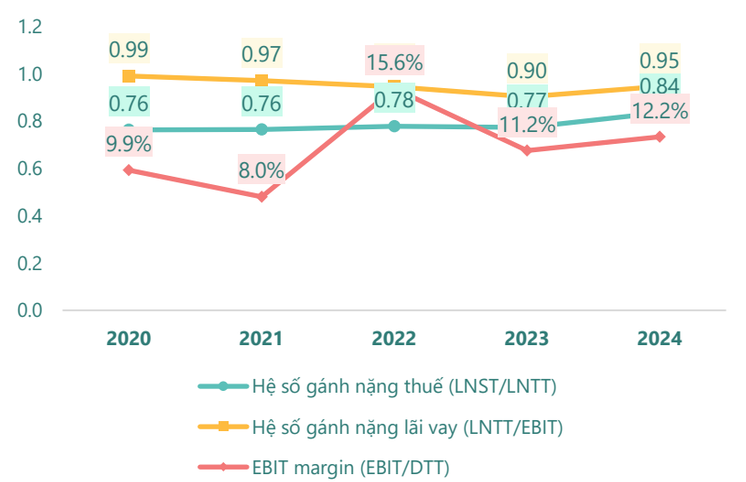
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



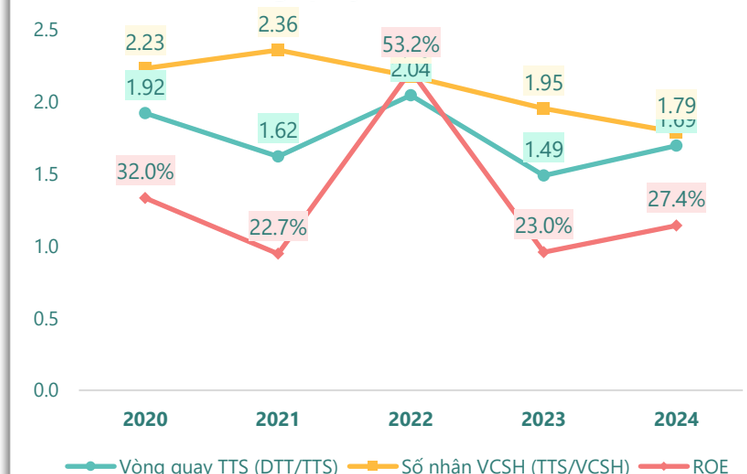
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



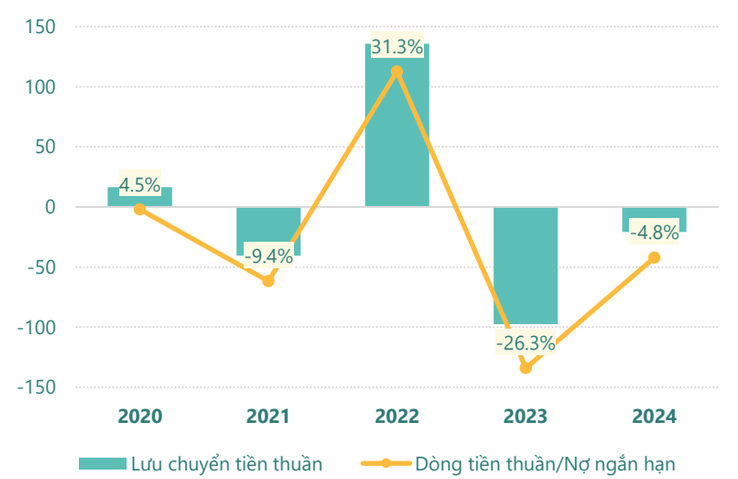
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**473**	**505**	**-6.3%**	**1,290**	**1,311**	**-1.6%**
Giá vốn hàng bán	397	422	-6.0%	1,083	1,086	-0.3%
Lợi nhuận gộp	76.8	83.6	-8.1%	207	224	-7.6%
Doanh thu HĐTC	12.3	11.7	5.5%	35.2	35.1	0.4%
Chi phí TC	7.52	15.8	-52.4%	27.3	30.0	-8.9%
Chi phí lãi vay	2.58	2.87	-10.1%	7.62	9.03	-15.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.51	4.67	-3.4%	12.7	12.9	-1.4%
Chi phí QLDN	**36.7**	**38.5**	**-4.6%**	**101**	**107**	**-6.0%**
LN thuần từ HĐKD	40.4	36.3	11.2%	102	109	-7.0%
Lợi nhuận khác	**-4.25**	**1.80**	**-336%**	**-2.45**	**4.60**	**-153%**
LN trước thuế	36.1	38.1	-5.2%	99.1	114	-12.9%
Lợi nhuận sau thuế	**30.4**	**31.9**	**-4.6%**	**84.3**	**95.5**	**-11.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**27.3**	**28.7**	**-4.8%**	**76.2**	**87.7**	**-13.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	34.9	44.1	50.0	9.74	-9.29	-70.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-118	-16.8	-90.6	22.1	90.5	-31.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	47.9	-79.0	-15.5	-30.4	12.2	-26.0
Tiền đầu kỳ	177	141	88.7	48.9	50.3	144
Lưu chuyển tiền thuần	**-35.1**	**-51.7**	**-56.0**	**1.45**	**93.4**	**-128**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.20	-0.90	0.97	-0.01	0.02	0.00
Tiền cuối kỳ	141	88.7	33.7	50.3	144	15.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,163**	**1,133**	**2.7%**
Tài sản ngắn hạn	938	893	5.0%
Tiền và tương đương tiền	15.9	48.9	-67.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	184	265	-30.8%
Phải thu ngắn hạn	421	283	48.7%
Hàng tồn kho	250	235	6.5%
Tài sản ngắn hạn khác	66.6	59.9	11.2%
Tài sản dài hạn	**226**	**240**	**-5.9%**
Phải thu dài hạn	0.28	0.20	38.7%
Tài sản cố định	176	186	-5.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	3.00	-100%
Tài sản dài hạn khác	**35.3**	**34.4**	**2.4%**
Lợi thế thương mại	14.5	16.1	-10.3%
Nợ phải trả	499	481	3.9%
Nợ ngắn hạn	**481**	**430**	**11.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	230	184	24.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	135	125	8.0%
Nợ dài hạn	18.5	50.7	-63.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.92	35.9	-75.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**664**	**652**	**1.8%**
Vốn chủ sở hữu	**664**	**652**	**1.8%**
Vốn điều lệ	248	248	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)